

Số: 229/TB-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 22 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về trả tiền học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên
Đại học chính quy K9 kỳ 2 năm học 2023-2024, kỳ 1 năm học 2024-2025 và
K10, K11, K12 học kỳ I năm học 2024 – 2025**

Thực hiện chủ trương của nhà trường về trả tiền học bổng cho sinh viên Đại học chính quy K9 theo QĐ số 150 ngày 8/4/2025 và K10, K11, K12 kỳ I (2024-2025) QĐ số 151 ngày 8/4/2025

1. Ngày 18/4/2025 nhà trường đã chuyển khoản tiền học bổng vào tài khoản cá nhân của sinh viên là đối tượng được cấp học bổng. Sinh viên kiểm tra tài khoản của mình, nếu chưa nhận được hoặc có sai sót gì thì báo về phòng Tài chính kế toán Cô: Lê Thị Nga (SĐT: 0982 762 825);

(Danh sách sinh viên nhận học bổng kèm theo thông báo này).

2. Phòng Công tác sinh viên, Cố vấn học tập, ban cán sự các lớp thông báo cho sinh viên lớp mình biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- BGH; HĐT;
- Như mục 2;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TCKT.

**TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PTP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**



ThS. Phạm Văn Hưng

Phụ lục I

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K9 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 VÀ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-ĐHTCQTKD ngày 22 tháng 4 năm 2025

của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
1	0901020572	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/2003	Nữ	KA9A	13,900,000	
2	0901060664	Phạm Thị	Chinh	05/05/2003	Nữ	KA9A	12,700,000	
3	0901060401	Đoàn Thị Thu	Thảo	10/03/2003	Nữ	KA9A	12,700,000	
4	0901030063	Bùi Thị	Trang	26/02/2003	Nữ	KA9A	12,700,000	
5	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	Nữ	KD9C	12,700,000	
6	0901020625	Hà Kim	Ngân	08/04/2003	Nữ	KD9C	12,700,000	
7	0901020758	Nguyễn Thị	Quý	28/07/2003	Nữ	KD9C	13,900,000	
8	0901020476	Nguyễn Thị Thanh Tâm		26/10/2003	Nữ	KD9C	13,900,000	
9	0901020559	Trần Quỳnh	Trang	23/01/2003	Nữ	KD9C	13,900,000	
10	0901020847	Nguyễn Thị	Xuyến	06/08/2003	Nữ	KD9C	12,700,000	
11	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	Nữ	KD9G	13,900,000	
12	0901020778	Lý Thị	My	22/02/2003	Nữ	KD9G	13,900,000	
13	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	Nữ	KD9G	13,900,000	
14	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	Nữ	KD9H	13,900,000	
15	0901020346	Nguyễn Thị Hương Giang		28/12/2003	Nữ	KD9K	13,900,000	
16	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	Nam	KD9K	13,900,000	
17	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	Nữ	KD9K	12,700,000	
18	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	Nữ	KD9K	12,700,000	
19	0901020109	Nguyễn Thị Hồng Nhung		19/07/2003	Nữ	KD9K	12,700,000	
20	0901020112	Lê Việt	Trinh	28/08/2001	Nữ	KD9K	12,700,000	
21	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	Nữ	KD9M	12,700,000	
22	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	Nữ	KD9M	12,700,000	
23	0901020893	Đoàn Lãnh	Thúy	26/08/2003	Nữ	KD9M	13,900,000	
24	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	Nữ	KD9M	13,900,000	
25	0901020446	Nguyễn Thị Hương Giang		07/11/2003	Nữ	KD9N	13,900,000	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
26	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	Nữ	KL9A	12,700,000	
27	0901070938	Trần Thế	Son	21/01/2003	Nam	KL9A	13,900,000	
28	0901040766	Hoàng Minh	Châu	15/12/2003	Nữ	QL9A	12,700,000	
29	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	Nam	TM9A	13,900,000	
30	0901030098	Dương Việt	Bách	01/09/2003	Nam	QM9A	13,900,000	
31	0901030683	Đoàn Thị Kim	Huệ	17/05/2003	Nữ	QM9A	13,900,000	
32	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	Nữ	QM9A	13,900,000	
33	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	Nữ	QM9B	12,700,000	
34	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	Nữ	QM9B	13,900,000	
35	0901030350	Tổng Đức	Thành	18/10/2003	Nam	QM9B	13,900,000	
36	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		07/02/2003	Nữ	QT9C	12,700,000	
37	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	Nữ	QT9C	12,700,000	
38	0901030823	Bùi Thị	Hào	15/08/2003	Nữ	QT9C	12,700,000	
39	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	Nam	QT9C	13,900,000	
40	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	Nữ	QT9C	12,700,000	
41	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	Nữ	QT9C	12,700,000	
42	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	Nữ	QT9C	13,900,000	
43	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	Nữ	TC9A	13,900,000	
44	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	Nữ	TC9A	12,700,000	
45	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	Nam	TC9A	13,900,000	
46	0901010868	Đàm Hương	Giang	29/03/2003	Nữ	TC9B	13,900,000	
47	0901010686	Đào Thị Thanh	Hiền	07/10/2003	Nữ	TC9B	12,700,000	
48	0901010950	Lê Thuý	Hường	11/08/2003	Nữ	TC9B	12,700,000	
49	0901040571	Vũ Mai	Lan	03/11/2003	Nữ	TC9B	12,700,000	
50	0901010784	Tạ Thị Yến	Nhi	04/12/2003	Nữ	TC9B	12,700,000	
51	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	Nữ	TC9B	12,700,000	
52	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	Nữ	KL9A	12,700,000	
53	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	Nữ	KD9G	12,700,000	
Tổng							703,100,000	

Phụ lục II

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K10, K11, K12 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số 229/TB-ĐHTCQTKD ngày 22 tháng 4 năm 2025

của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
1	1001061438	Lý Thị Kim	Anh	09/03/2004	Nữ	KA10A	11,650,000	
2	1001060363	Vũ Mai	Hương	26/11/2004	Nữ	KA10A	12,800,000	
3	1001061025	Phạm Thị Phương	Nga	13/02/2004	Nữ	KA10A	11,650,000	
4	1001061431	Nguyễn Đức	Trưởng	16/10/2003	Nam	KA10A	11,650,000	
5	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	Nam	KD10A	11,650,000	
6	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	Nữ	KD10B	11,650,000	
7	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	Nam	KD10B	11,650,000	
8	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	Nữ	KD10C	12,800,000	
9	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	Nữ	KD10C	11,650,000	
10	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	Nữ	KD10C	11,650,000	
11	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	Nam	KD10C	11,650,000	
12	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	Nữ	KD10C	12,800,000	
13	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	Nam	KD10C	12,800,000	
14	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	Nam	KD10C	11,650,000	
15	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	Nữ	KD10D	12,800,000	
16	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	Nữ	KD10D	12,800,000	
17	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	Nữ	KD10E	11,650,000	
18	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	Nữ	KD10G	12,800,000	
19	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	Nữ	KD10G	11,650,000	
20	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	Nữ	KD10G	11,650,000	
21	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	Nam	KD10G	11,650,000	
22	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	Nữ	KD10G	11,650,000	
23	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	Nam	KD10G	11,650,000	
24	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	Nữ	KD10H	12,800,000	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
25	1001021045	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	Nữ	KD10H	12,800,000	
26	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	Nữ	NH10A	11,650,000	
27	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	Nam	NH10A	12,800,000	
28	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	Nam	NH10A	12,800,000	
29	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	Nam	QM10A	11,650,000	
30	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	Nữ	QM10A	11,650,000	
31	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	Nam	QM10A	11,650,000	
32	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	Nữ	QM10B	12,800,000	
33	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	Nam	QM10B	11,650,000	
34	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	Nữ	QT10A	11,650,000	
35	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	Nữ	QT10A	11,650,000	
36	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	Nữ	QT10A	12,800,000	
37	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	Nữ	QT10A	11,650,000	
38	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	Nữ	QT10A	11,650,000	
39	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	Nữ	QT10A	11,650,000	
40	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	Nam	QT10A	11,650,000	
41	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	Nữ	TC10B	11,650,000	
42	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	Nữ	TC10B	12,800,000	
43	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	Nữ	TC10B	11,650,000	
44	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	Nữ	TC10B	11,650,000	
45	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	Nữ	KL10A	11,650,000	
46	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	Nữ	TM10A	12,800,000	
47	1001080409	Hoàng Tố	Nhi	12/11/2004	Nữ	TM10A	11,650,000	
48	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	Nữ	CT10A	11,650,000	
49	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	Nữ	KA11A	11,650,000	
50	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	Nữ	KA11A	11,650,000	
51	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	Nữ	KA11A	12,800,000	
52	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	Nữ	KD11A	12,800,000	
53	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	Nữ	KD11A	11,650,000	
54	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	Nữ	KD11A	11,650,000	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
55	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	Nữ	KD11A	11,650,000	
56	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	Nữ	KD11B	11,650,000	
57	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	Nữ	KD11B	11,650,000	
58	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	Nữ	KD11B	11,650,000	
59	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	Nữ	KD11B	11,650,000	
60	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	Nữ	KD11C	11,650,000	
61	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	Nữ	KD11D	12,800,000	
62	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	Nam	KD11D	11,650,000	
63	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	Nữ	KD11D	11,650,000	
64	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	Nữ	KD11D	11,650,000	
65	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	Nữ	KD11E	11,650,000	
66	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	Nữ	KD11E	11,650,000	
67	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	Nữ	KD11E	11,650,000	
68	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	Nữ	KD11E	11,650,000	
69	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	Nữ	KD11E	11,650,000	
70	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	Nam	KD11G	11,650,000	
71	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	Nam	KD11G	11,650,000	
72	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	Nữ	NH11A	11,650,000	
73	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	Nữ	NH11A	11,650,000	
74	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	Nữ	NH11A	11,650,000	
75	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	Nữ	NH11A	11,650,000	
76	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	Nữ	NH11A	11,650,000	
77	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	Nam	QT11A	11,650,000	
78	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	Nữ	QT11A	11,650,000	
79	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	Nữ	QT11A	11,650,000	
80	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	Nữ	QT11A	12,800,000	
81	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	Nữ	QT11A	11,650,000	
82	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	Nam	QT11B	11,650,000	
83	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	Nam	QT11B	11,650,000	
84	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	Nam	QT11B	11,650,000	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
85	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	Nữ	QT11B	11,650,000	
86	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	Nữ	QT11B	11,650,000	
87	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	Nam	QT11B	11,650,000	
88	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	Nữ	TC11A	11,650,000	
89	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	Nữ	TC11A	11,650,000	
90	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	Nữ	TC11A	11,650,000	
91	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	Nữ	TC11A	11,650,000	
92	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	Nữ	QL11A	10,600,000	
93	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	Nữ	TM11A	11,650,000	
94	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	Nữ	TM11A	10,600,000	
95	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	Nữ	TM11A	11,650,000	
96	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	Nữ	CT11A	11,650,000	
97	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	Nam	KA12A	7,200,000	
98	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	Nữ	KA12A	7,200,000	
99	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	Nữ	KA12A	7,200,000	
100	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	Nam	KA12A	7,200,000	
101	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	Nữ	KA12A	7,200,000	
102	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	Nữ	KA12A	7,200,000	
103	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	Nam	KA12A	7,900,000	
104	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	Nữ	KA12A	7,200,000	
105	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	Nữ	KA12A	7,200,000	
106	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	Nữ	KC12A	7,200,000	
107	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	Nữ	KD12A	7,900,000	
108	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	Nữ	KD12B	7,200,000	
109	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	Nữ	KD12B	7,200,000	
110	1201020375	Ngô Thị Thanh	Tâm	14/06/2006	Nữ	KD12B	7,200,000	
111	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	Nữ	KD12C	7,200,000	
112	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	Nữ	KD12C	7,200,000	
113	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	Nữ	KD12C	7,900,000	
114	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	Nữ	KD12C	7,200,000	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
115	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	Nữ	KD12C	7,200,000	
116	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	Nữ	KD12D	7,200,000	
117	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	Nữ	KD12D	7,200,000	
118	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	Nữ	KD12D	7,200,000	
119	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	Nữ	KD12E	7,200,000	
120	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	Nữ	KD12E	7,200,000	
121	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	Nữ	KD12E	7,900,000	
122	1201020341	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	Nữ	KD12E	7,200,000	
123	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	Nữ	KD12E	7,200,000	
124	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	Nữ	KD12E	7,200,000	
125	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	Nữ	KD12G	7,900,000	
126	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	Nam	NH12A	7,200,000	
127	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	Nam	NH12A	7,200,000	
128	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	Nữ	NH12A	7,200,000	
129	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	Nữ	NH12B	7,900,000	
130	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	Nữ	NH12B	7,200,000	
131	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	Nữ	NH12B	7,200,000	
132	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	Nữ	QM12A	7,200,000	
133	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	Nữ	QM12A	7,200,000	
134	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	Nữ	QM12B	7,200,000	
135	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	Nữ	QM12B	7,200,000	
136	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	Nữ	QM12B	7,200,000	
137	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiền	07/08/2006	Nữ	QM12B	7,200,000	
138	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	Nam	QT12A	7,200,000	
139	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	Nam	QT12A	7,200,000	
140	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	Nữ	QT12A	7,200,000	
141	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	Nam	QT12A	7,200,000	
142	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	Nữ	QT12A	7,200,000	
143	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	Nữ	QT12A	7,200,000	
144	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	Nữ	QT12A	7,900,000	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền	Ghi chú
145	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	Nữ	QT12B	7,200,000	
146	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	Nữ	QT12B	7,200,000	
147	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	Nữ	QT12B	7,200,000	
148	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	Nữ	QT12B	7,900,000	
149	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	Nữ	QT12B	7,200,000	
150	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	Nữ	QT12B	7,200,000	
151	1201030771	Bùi Hồng	Đăng	17/10/2006	Nam	QT12C	7,200,000	
152	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	Nữ	QT12C	7,200,000	
153	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	Nữ	TC12A	7,200,000	
154	1201011371	Nguyễn Huy	Phong	21/05/2006	Nam	TC12A	7,200,000	
155	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	Nữ	TC12A	7,200,000	
156	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	Nữ	TC12A	7,200,000	
157	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	Nữ	TC12B	7,200,000	
158	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	Nữ	TC12B	7,200,000	
159	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	Nữ	TC12B	7,200,000	
160	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	Nữ	TC12B	7,200,000	
161	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	Nam	TC12B	7,200,000	
162	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	Nữ	TC12B	7,200,000	
163	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	Nữ	KL12A	7,200,000	
164	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	Nữ	QL12A	7,200,000	
165	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	Nữ	QL12A	7,200,000	
166	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	Nữ	QL12A	7,200,000	
167	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	Nữ	TM12A	7,900,000	
168	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	Nữ	TM12A	7,200,000	
169	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	Nam	CT12A	7,200,000	
170	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	Nữ	CT12A	7,200,000	
	Tổng						1,677,250,000	